

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Số: 491/QĐ-TTQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 09 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2019
của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài Chính quy định xét duyệt thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Thông báo số: 55/TB-STNMT ngày 30/6/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường theo phụ biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trạm Giám sát môi trường, phòng HC-TH và các phòng chuyên môn của Trung tâm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT(bc);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC

TRẦN ĐOÀN KHOA TIẾN



Đơn vị: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường

Chương: 426

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 194/QĐ-TTQT ngày 9/7/2020 của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3.745	3.745	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.745	3.745	0	
1	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.745	3.745	0	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.745	3.745	0	
	Tiền lương	389	389	0	
	Tiền công trả cho LĐTX theo hợp đồng	638	638	0	
	Phụ cấp lương	15	15	0	
	Các khoản đóng góp	158	158	0	
	Các khoản thanh toán cá nhân	72	72	0	
	Thanh toán dịch vụ công cộng	25	25	0	
	Vật tư văn phòng	92	92	0	
	Hội nghị	18	18	0	
	Công tác phí	45	45	0	
	Chi phí thuê mướn	237	237	0	
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	802	802	0	
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	128	128	0	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	1.126	1.126	0	
	Mua sắm tài sản vô hình	0,4	0,4	0	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				